

Số: 38/2021/DS-ST

Ngày 31/5/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN, TỈNH QUẢNG NAM

- T1 phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Lục và ông Ngô Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Duy Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Sinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2020/TLST-DS, ngày 24/12/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS, ngày 14/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021 ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng D, sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn VN, xã DV, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Ông Trần Văn Anh K, sinh năm 2000

Địa chỉ: khối phố BA, TT NP, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1969

- Ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1971.

Đều có địa chỉ: khối phố BA, TT NP, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trần Văn Anh K là người thuê nhà của ông Nguyễn Hồng D để kinh doanh dịch vụ cầm đồ, nhiều lần đến lấy tiền thuê nhà, K đặt vấn đề mượn tiền của ông D để làm ăn, tiền lời có được từ việc cầm đồ K nói sẽ gửi ông D “uống cà phê”, ông D đồng ý nên

mỗi lần K cần vay tiền ông đều cho vay và không lập giấy tờ vay mượn gì. Lần cuối cùng khi K vay ông số tiền 50.000.000đ thì 02 bên xảy ra tranh chấp, ông D không cho K vay tiền nữa và chốt công nợ với K. Tổng số lần ông D cho K vay tiền là 11 lần, trong đó có 10 lần vay mỗi lần 50.000.000đ, lần thứ mười một là 29.760.000đ nên tổng số tiền ông D cho K vay là 529.760.000đ. Tại giấy nhận nợ lập ngày 10/2/2020, K hẹn đến ngày 10/3/2020 sẽ trả cho ông D 250.000.000đ, đến ngày 10/4/2020 sẽ trả 279.760.000đ và tiền lãi của 02 tháng với mức lãi suất 0.6%/tháng. Đến nay đã quá thời hạn hẹn trả nợ mà K vẫn không trả nợ cho ông D. Tại phiên tòa, ông D yêu cầu K trả cho ông số nợ vay gốc là 529.760.000đ và rút yêu cầu trả lãi.

Ý kiến của bị đơn:

Năm 2018 ông Nguyễn Hồng D rủ ông K mở tiệm cầm đồ Khải Hoàng, ông D đầu tư tiền để K kinh doanh và cho vay. Hai bên làm ăn được 14 tháng thì xảy ra mâu thuẫn và ông D rút vốn không đầu tư nữa. K thu tiền lại để trả cho ông D nhưng chưa thu được. Cuối năm 2019 ông D đến nhà ông K, bắt ông ghi giấy nhận nợ số tiền là 529.760.000đ và đe dọa ông phải trả đúng hạn. Do bị đe dọa ép buộc nên ông phải viết giấy nhận nợ cho ông D, việc này có cô ruột ông là bà Trần Thị T và hàng xóm là ông Nguyễn Đình T1 làm chứng. Thực tế K chỉ là người làm công cho ông D, ông D bảo ông đưa tiền cho ai thì ông đưa cho người đó, ông nhận của ông D rất nhiều lần tiền, sổ sách thì ông D giữ hết, ông K không nhớ tổng cộng là bao nhiêu, nhưng số tiền 529.760.000đ là quá lớn. Nay họ không trả cho ông D, ông D buộc ông chịu trách nhiệm. Do ông K không vay tiền ông D nên ông K không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông D.

Ý kiến của kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa đúng quy định. Bị đơn không chấp hành triệu tập của tòa án, vắng mặt tại các phiên hòa giải, đối chất và tại phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để làm rõ số tiền 529.760.000đ ông D đòi ông K trả là căn cứ vào đâu để xác định vì ông D cho ông K vay nhiều lần, mỗi lần đều không lập giấy tờ và triệu tập người làm chứng là bà Trần Thị T vì việc vắng mặt bà T gây khó khăn ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan toàn diện vụ án. Hơn nữa bị đơn không có mặt tại phiên tòa nên chưa đủ cơ sở để xác định số tiền nguyên đơn yêu cầu là 529.760.000đ vì bị đơn khai có nhận tiền nhưng không nhận nhiều như vậy và bị đơn viết giấy trong tình trạng bị đe dọa ép buộc.

- *Các tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm:* 01 giấy nhận nợ

- *Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết sự kiện các bên thống nhất:* Các bên thống nhất chữ ký, chữ viết trong giấy nhận nợ là của bị đơn

- Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên: Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn
- Ý kiến của các bên:
 - +Nguyên đơn: Đề nghị bị đơn trả số tiền nợ vay là 529.760.000đ.
 - +Bị đơn: Không đồng ý trả vì cho rằng không vay và lúc viết giấy nhận nợ là bị đe dọa ép buộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại văn bản trình bày ý kiến và biên bản lấy lời khai, ông Trần Văn Anh K đều thừa nhận giấy nhận nợ lập ngày 10/2/2020 là do mình viết. Lời khai của ông K phù hợp với lời khai của ông D và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định vào ngày 10/02/2020, ông K có lập một giấy viết tay với nội dung vay của ông Nguyễn Hồng D số tiền là 529.760.000đ, lãi suất 0.6%/tháng và cam kết thời gian trả vào ngày 10/3/2020 là 250.000.000đ, ngày 10/4/2020 là 279.760.000đ và tiền lãi của 02 tháng.

Ông Trần Văn Anh K cho rằng số tiền ghi trong giấy nhận nợ lập ngày 10/02/2020 là tiền ông D cho người khác vay, K chỉ là người giao tiền hộ và bị ông D đe dọa, ép buộc viết giấy nhận nợ tuy nhiên ông K không có chứng cứ để chứng minh. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tổ chức đối chất, nhưng bị đơn ông K không tham gia, từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên phải chịu trách nhiệm đối với việc không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ.

Người làm chứng Trần Thị T có lời khai xác nhận là ký tên trong mục người làm chứng của giấy nhận nợ lập ngày 10/2/2020 với lý do là do ông D yêu cầu và khi đến nhà ông K, ông D có đi cùng với vài thanh niên, tuy nhiên bà T từ chối cung cấp thông tin liên quan đến việc K bị đe dọa ép buộc khi viết giấy nhận nợ. Người làm chứng Nguyễn Đình T1 có lời khai xác nhận mình không biết, không chứng kiến việc viết giấy nhận nợ giữa ông D và ông K cũng như việc ông K bị ông D đe dọa, uy hiếp để buộc phải viết giấy nhận nợ.

Từ những nhận định trên HĐXX có cơ sở xác định ông K có vay của ông D số tiền 529.760.000đ, loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Do ông K không trả được nợ vay đúng hạn nên ông D khởi kiện là có căn cứ. Do đó HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng D, buộc ông Trần Văn Anh K có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền nợ vay theo giấy nhận nợ lập ngày 10/2/2020 là 529.760.000đ. Ông D rút yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên, HĐXX thấy rằng:

-Về việc làm rõ số tiền 529.760.000đ ông D yêu cầu ông K trả: Ông D khai cho ông K vay nhiều lần và đến lần cuối cùng khi hai bên mâu thuẫn thì yêu cầu ông K viết giấy nhận nợ. Giấy nhận nợ do ông K lập ngày 10/02/2020 là hợp pháp và được HĐXX sử dụng làm chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Do vậy, HĐXX thấy không cần thiết phải thu thập thêm chứng cứ về các lần ông D giao tiền cho ông K.

-Về yêu cầu triệu tập người làm chứng Trần Thị T đến phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T đến tham phiên tòa nhưng bà T vắng mặt. Mặt khác lời khai của bà T đã có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy việc ngừng phiên tòa để triệu tập bà T là không cần thiết.

- Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên chưa đủ cơ sở để xác định số tiền nguyên đơn yêu cầu và bị đơn khai mình bị đe dọa ép buộc khi viết giấy nhận nợ: Vấn đề này HĐXX đã nhận định đầy đủ ở mục [1] và mục [2].

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Trần Văn Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là $20.000.000đ + (4\% \times 129.760.000) = 25.190.400đ$, làm tròn là 25.190.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng D, buộc ông Trần Văn Anh K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hồng D số tiền nợ vay theo giấy nhận nợ lập ngày 10/2/2020 là 529.760.000đ (Năm trăm hai mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải

thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Trần Văn Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 25.190.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/5/2021), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Duy Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN, CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Cẩm Nhung

